

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông La Văn Hải.

- Bà Hà Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST- DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Doãn Thị T, sinh năm 1965 - Có mặt.

+ Ông L Văn T, sinh năm 1965 - Có mặt.

Đều cư trú tại: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh L.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, Sinh năm 1993 - Có đơn xin vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh L.

- Người làm chứng: Bà Doãn Thị H, sinh năm 1957 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Doãn Thị T và ông L Văn T trình bày:

Ngày 01/11/2014 (âm lịch), tức ngày 22/12/2014 dương lịch, vợ chồng bà Doãn Thị T và ông L Văn T cho anh Nguyễn Văn H, (là cháu ruột của bà T) vay số tiền là 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) và 05 chỉ vàng (*vàng ta, loại 24K 99,99%*), việc vay nợ có lập văn bản tại giấy nhận vay nợ ngày 01/11/2014. Hai bên thỏa thuận lãi suất hàng tháng là 3,0% đối với cả tiền mặt và vàng, mục đích vay tiền để anh H chi trả chi phí học tập tại trường Đại học văn hóa H; thời hạn trả nợ: Khi nào anh H ra trường có công việc thì sẽ trả đủ cả số tiền gốc và lãi.

Vào năm 2017, anh H vào làm viên chức tại Trung tâm văn hóa thể thao - truyền thông huyện V, nhưng vẫn chưa trả nợ gốc và lãi cho vợ chồng bà T, ông T. Tuy nhiên, do tình cảm gia đình nên ông, bà vẫn chưa yêu cầu anh H phải trả nợ.

Đến năm 2020 do gia đình có nhu cầu sử dụng tiền nên bà T, ông T đã nhiều lần gặp anh H để đòi số tiền và vàng đã cho vay nhưng anh H không trả. Đến ngày 07/7/2020, anh H có viết giấy cam kết hẹn đến ngày 30/8 (*âm lịch*) tức 16/10/2020, sẽ trả đủ tiền mặt cả gốc và lãi là: 63.200.000đ; Vàng tính cả gốc và lãi là: 14 chỉ nhưng đến thời gian hẹn anh H vẫn không trả lại tiền và vàng cho Ông, Bà theo thỏa thuận. Đến ngày 29/9 (*âm lịch*) tức ngày 14/11/2020 anh H đã trả cho ông bà số tiền là 10.000.000đ. Số tiền còn lại 53.200.000đ và 14 chỉ vàng hẹn đến tết nguyên đán năm 2021, tức ngày 12/2/2021 dương lịch sẽ trả đủ. Ngày 17/2/2021, khi đã quá hạn trả nợ, ông bà có gặp anh H để yêu cầu trả nợ như đã cam kết nhưng anh H lại hẹn 01 năm nữa mới trả số tài sản đã vay còn lại cho Ông, Bà. Không chấp nhận việc kéo dài thời gian trả nợ của anh H nữa nên bà T, ông T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết: Buộc anh Nguyễn Văn H phải trả tài sản đã vay cho Ông, Bà gồm:

- Số tiền gốc là 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) và 05 (*năm*) chỉ vàng ta, loại 24K 99,99%. Số tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), tính từ ngày 22/12/2014 đến ngày 14/11/2020 (ngày anh Nguyễn Văn H đã trả 10.000.000đ nợ gốc) và số tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc còn lại là 10.000.000đ kể từ ngày 14/11/2020 đến ngày 12/2/2021 (*ngày anh H cam kết trả đủ cả lãi và gốc*) mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 12/2/2021 (*ngày anh H cam kết trả đủ cả lãi và gốc*) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, nguyên đơn bà Doãn Thị T và ông L Văn T không yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn H phải trả lãi đối với 05 chỉ vàng.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 01/11/2014 (*âm lịch*), tức ngày 22/12/2014 dương lịch, anh có vay của bà Doãn Thị T và ông L Văn T số tiền là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) và 05 chỉ vàng (*loại vàng ta là nhẫn trơn*), việc vay nợ có lập văn bản thể hiện tại Giấy nhận vay nợ ngày 01/11/2014. Hai bên thỏa thuận lãi suất hàng tháng là 3,0% đối với cả tiền mặt và vàng. Về mục đích vay tiền và thời hạn trả nợ như nguyên đơn trình bày là đúng. Vào năm 2017, Anh vào làm viên chức tại Trung tâm văn hóa thể thao - truyền thông huyện V đến tháng 3/2019 thì nghỉ việc. Nhưng trong thời gian này bà T, ông T không yêu cầu anh phải trả nợ. Đến cuối năm 2019 giữa gia đình hai bên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần bà T đánh, cãi chửi nhau với mẹ của anh là bà Doãn Thị H nên lúc đó bà T và ông T đã đòi nợ anh. Do lúc đó anh đi làm xa và để bảo đảm cho sự an toàn của mẹ anh nên ngày 07/7/2020, anh đã buộc phải viết giấy cam kết lãi suất của khoản vay là 3,0% đối với cả số tiền vay và vàng, hẹn đến ngày 30/8 (*âm lịch*) tức 16/10/2020, sẽ trả đủ số tiền mặt cả gốc và lãi là 63.200.000đ cùng số vàng tính cả gốc và lãi là 14 chỉ. Đến ngày 29/9 (*âm lịch*) tức ngày 14/11/2020 anh đã trả cho bà T số tiền gốc là 10.000.000đ (*mười triệu đồng*). Số tiền gốc và lãi còn lại 53.200.000đ và 14 chỉ vàng hẹn đến tết Nguyên đán năm 2021, tức ngày 12/2/2021 dương lịch sẽ trả đủ, nhưng do khó khăn về kinh tế nên anh chưa thu xếp

để có tiền và vàng trả lại cho bà T, ông T theo như thỏa thuận được. Nay anh nhất trí trả lại số tài sản đã vay cho ông T, bà T cụ thể: tiền gốc còn lại là 10.000.000đ và 05 chỉ vàng ta loại 24K 99,99% còn về lãi trên khoản tiền và lãi vàng đã vay anh không nhất trí trả theo thỏa thuận mà chỉ chấp nhận trả lãi theo quy định của Pháp luật.

Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Nhưng phía bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn vắng mặt do đang ở vùng dịch Covid 19. Phía nguyên đơn bà Doãn Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Doãn Thị T và ông L Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên; Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 471, Điều 473, Điều 474 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Doãn Thị T và ông L Văn T.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Doãn Thị T và ông L Văn T số tài sản đã vay là: Tiền gốc 10.000.000đ; Tiền lãi 16.913.750đ, tổng cộng là: 26.913.750đ và 05 chỉ vàng 24k, loại 99,99%. Buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc và nợ lãi chưa trả sau ngày 14/9/2021 mức lãi xuất theo quy định Pháp luật.

- Đề nghị buộc bị đơn Nguyễn Văn H chịu án phí theo quy định của pháp luật; tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ giấy nhận vay nợ, Giấy cam kết trả nợ giữa các đương sự, xác nhận của Công an xã C xác định bị đơn anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại thôn K, xã C, huyện V, tỉnh L. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn và quan hệ tranh

chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015;

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung khởi kiện:

- Về số tiền nợ gốc và vàng: Các đương sự đều thừa nhận được ký vào Giấy nhận vay nợ ngày 01/11/2014 (âm lịch), tức ngày 22/12/2014 dương lịch; giấy cam kết ngày 07/7/2020. Các bên ký kết khi có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị cưỡng ép. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định vào ngày 22/12/2014 bà Doãn Thị T và ông L Văn T đã cho anh Nguyễn Văn H vay: 20.000.000đ và 05 chỉ vàng ta loại nhẫn trơn. Đến ngày 29/9 (âm lịch) tức ngày 14/11/2020 anh H đã trả cho bà T số tiền nợ gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Trong hợp đồng các bên không ghi rõ loại vàng nhưng đều xác định vàng cho vay là vàng ta loại nhẫn trơn. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công ty Vàng bạc C xác định loại vàng ta nhẫn trơn là vàng 24K loại 99,99% giá tại thời điểm hiện tại là 5.100.000đ/01 chỉ và thông báo cho đương sự biết nhưng không ai có ý kiến phản đối. Như vậy, đến nay có đủ cơ sở xác định anh H còn nợ ông L Văn T và bà Doãn Thị T số tiền: 10.000.000đ và 05 chỉ vàng ta loại 24K 99,99%.

- Về lãi suất tiền và vàng theo thỏa thuận của các bên được ghi trong hợp đồng: Các đương sự ký kết giấy nhận vay nợ vào ngày 22/12/2014 và đến nay hợp đồng vẫn đang được thực hiện. Hội đồng xét xử thấy:

Việc các bên đương sự thỏa thuận lãi suất của số tiền 20.000.000đ và vàng tại giấy nhận vay nợ vào ngày 01/11/2014 (âm lịch) tức ngày 22/12/2014 dương lịch là 3,0%/tháng. Đối với tài sản cho vay là tiền thì tương ứng lãi suất là 36%/năm; Đối với quy định về lãi suất khi tài sản cho vay trong hợp đồng là vàng thì theo văn bản số 346/LCA1 ngày 16/8/2021 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lào Cai thì từ tháng 01 năm 2014 cho đến nay, Ngân hàng nhà nước Việt Nam không có văn bản quy định về mức lãi xuất cho vay bằng vàng.

Theo Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.*” Tại thời điểm ngày 22/12/2014 lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm (Quyết định số 2868/QĐ - NHNN ngày 29/11/2010). Như vậy, theo quy định của pháp luật lãi suất do các bên thỏa thuận không được vượt quá $13,5\%/năm = 1,125\%/tháng$.

Theo Điều 468 của Bộ luật dân sự **năm 2015 quy định**: “*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*”.

Theo hướng dẫn của điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: “*Hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14-6-2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết*”.

Như vậy, mức lãi suất mà các bên đương sự thỏa thuận là 3,0%/tháng, tương ứng là 36%/năm không phù hợp với lãi suất quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản pháp luật liên quan để giải quyết.

Cụ thể tiền lãi anh Nguyễn Văn H phải trả cho ông L Văn T và bà Doãn Thị T như sau:

- Lãi trên tiền vay từ ngày cho vay (ngày 22/12/2014) đến ngày anh H trả 10.000.000đ tiền gốc (ngày 14/11/2020). Thời gian là: $(10 + 365 + 366 + 365 + 365 + 365 + 318 = 2154 \text{ ngày}) : 30 \text{ ngày} = 71 \text{ tháng } 24 \text{ ngày}$.

Cụ thể lãi: $20.000.000đ \times 1,125\% \times 71 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 16.155.000đ$.

- Lãi trên tiền gốc còn lại (từ ngày 14/11/2020) đến ngày anh H cam kết trả đủ cả gốc và lãi (ngày 12/12/2021). Thời gian là: $(17 + 31 + 11 = 59 \text{ ngày}) : 30 \text{ ngày} = 01 \text{ tháng } 29 \text{ ngày}$.

Cụ thể lãi: $10.000.000đ \times 1,125\% \times 01 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 221.250đ$.

- Lãi trên tiền gốc còn lại từ ngày 12/02/2021, ngày anh H cam kết thực hiện trả đủ cả gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/9/2021) nhưng không thực hiện nên chuyển toàn bộ sang lãi quá hạn (Lãi quá hạn bằng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt nam quy định là 9%/năm = 0,75%/tháng). Thời gian là: $(17 + 31 + 30 + 31 + 30 + 31 + 31 + 14 = 215 \text{ ngày}) : 30 \text{ ngày} = 07 \text{ tháng } 05 \text{ ngày}$.

Cụ thể lãi: $10.000.000đ \times 0,75\% \times 07 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 537.500đ$.

Như vậy, tổng cộng bị đơn anh Nguyễn Văn H phải trả cho nguyên đơn bà Doãn Thị T, ông L Văn T số tài sản đã vay là: Tiền gốc 10.000.000đ, tiền lãi 16.913.700đ, tổng cộng 26.913.750đ (hai mươi sáu triệu chín trăm mười ba nghìn bảy trăm lăm mươi đồng) và 05 (năm) chỉ vàng 24k, loại 99,99%.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Doãn Thị T và ông L Văn T.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trị giá vàng tranh chấp trong hợp đồng là: 5.100.000đ/chỉ vàng 24 K 99,99 % $\times 5 \text{ chỉ} = 25.500.000đ$; trả lại cho nguyên đơn bà Doãn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả bà Doãn Thị T và ông L Văn T tổng số tiền cả gốc và lãi đã vay là 26.913.750đ (*hai mươi sáu triệu chín trăm mười ba nghìn bảy trăm lăm mươi đồng*) và 05 (*năm*) chỉ vàng 24k, loại 99,99%.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

- Bị đơn anh Nguyễn Văn H phải chịu 2.620.687đ (*hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Doãn Thị T 3.462.500đ (*ba triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu: AC-21P số 0004160 ngày 18/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai;

3/ Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01);
- Thi hành án DS(01);
- Các đương sự(02);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái